

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
H K-tỉnh Gia Lai**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/ 2017/ HSST.**

Ngày: 27/ 7/ 2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K-TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán, Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Lành.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Nhi;

Nghề nghiệp, nơi công tác: Bí thư H đoàn K, K, Gia Lai;

2. Ông Phan Đình Toàn;

Nghề nghiệp, nơi công tác: Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Bình Khiêm
H K, Gia Lai.

**- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phạm Thị Tố Uyên – Thư ký
TAND H K.**

**- Đại diện VKSND H K tham gia phiên toà: Ông Trần Vĩnh Tiên - Kiểm
sát viên.**

Trong hai ngày 26/ 7 và 27 / 7/ 2017, tại Hội trường xét xử TAND H K. Tòa
án nhân dân H K, Gia Lai mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ
lý số 16/2017/HS-ST ngày 19/ 6/ 2017, **đối với các bị cáo:**

Nguyễn Anh H; Tên gọi khác: **P;** Sinh năm 1987 tại Huyện T, tỉnh Bình
Định; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố X, thị trấn K, K, Gia Lai; Trình
độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Tiền án, tiền sự: Không; Con ông
Nguyễn Văn N và bà Quách Thị S; Vợ Trương Thị Thanh H, có 01 ng-ời con sinh
năm 2013.

*Bị cáo đầu thú, bị giam, giữ từ ngày 20/ 9/ 2016 cho đến nay, có mặt tại
phiên toà.*

Trần Văn K; Tên gọi khác: **V;** Sinh ngày 19/01/1994 tại huyện T, tỉnh
Quảng Bình; Nơi ĐKNKTT: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Quảng Bình; Chỗ ở hiện
nay: Không ổn định; Thường ở Làng C, xã Lơ K, K, Gia Lai. Trình độ học vấn:
7/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Trần Hữu T và bà
Trần Thị X.

Bị cáo đầu thú, bị giam, giữ từ ngày 06/01/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Hoàng Kim T; Tên gọi khác: **Nhỏ;** Sinh ngày 06/12/1986 tại huyện H, tỉnh Quảng Bình. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Y, thị trấn K, K, Gia Lai. Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Hoàng Văn P và bà Hoàng Thị H; Vợ Võ Thị Bích T - sinh năm 1997.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 22/9/2016 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Lưu Văn T; Tên gọi khác: **T Già làng;** Sinh ngày 20/ 4/ 1985 tại Huyện P, tỉnh Bình Định.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Z, thị trấn K, K, Gia Lai; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Lưu Hồng S và bà Nguyễn Thị T ; Vợ Phạm Thị Tuyết L - sinh năm 1987 (Đã ly hôn năm 2016). Có 02 con (lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012).

Bị cáo đầu thú, bị giam, giữ từ ngày 26/12/2016 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa .

Hà Ngọc L; Tên gọi khác: **Hà Ngọc L2;** Sinh năm 1989 tại A- Gia Lai. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố X, thị trấn K, Huyện K, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Con ông Hà Hữu Đ và bà Nguyễn Thị H - Tiền án, tiền sự: *Có 01 tiền án về tội Cố ý gây thương tích Ngày 30/8/2012 bị Tòa án nhân dân Huyện K, tỉnh Gia Lai xử phạt 05 năm 06 tháng tù giam về tội: Cố ý gây thương tích theo Bản án số 19/2012/HSST. Đến ngày 31/8/2015 được đặc xá trở về địa phương.*

Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã và bị giam, giữ từ ngày 26/4/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa .

Đinh Văn Q; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 03 tháng 7 năm 1989 tại Huyện K, tỉnh Gia Lai.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Làng S, xã Sơn L, Huyện K, Gia Lai; Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Đinh Văn H và bà Đinh Thị H ;Vợ Đinh Thị N – sinh năm 1998, có một con sinh năm 2015.

Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 27/12/2016 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa

Trần Hồng Q; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 16/01/1985 tại H Vũ T, tỉnh Thái Bình.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã Sơn L, Huyện K, Gia Lai; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Trần K H và bà Đỗ Thị N ; Vợ Vũ Thị Thu H – sinh năm 1989, có một con sinh năm 2014. Tiền án: Không; Tiền sự: 01 tiền sự về hành vi vi phạm hành chính về quản lý và bảo vệ rừng. Ngày 22/8/2016 bị Hạt Kiểm L Huyện K xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 8.500.000.000 đồng về hành vi vi phạm hành chính về quản lý và bảo vệ rừng.

Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 27/12/2016 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Minh S; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 21/01/ 1992 tại Huyện Định Q, tỉnh Đồng Nai; Nơi ĐKNKTT: Ấp K, xã Suối N, Huyện Định Q, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở hiện nay: Làng Đ, xã Sơn L, K, Gia Lai; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề

ng nghiệp: Làm nông. Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Nguyễn Thanh H và bà Phạm Thị N; Vợ Cam Thị P – sinh năm 1994, có một con sinh năm 2014.

Bị cáo đầu thú, bị giam, giữ từ ngày 26/12/2016 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa .

Hà Ngọc Q; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 22/11/1991 tại H Thọ X, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố M, thị trấn K, K, Gia Lai; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Hà Ngọc Đ và bà Phạm Thị S .

Ngày 28/4/2011 bị Tòa án nhân dân Huyện nguyên K, tỉnh Gia Lai xử phạt Hà Ngọc Q 07 tháng tù giam theo Bản án số 16/HSST về tội: *Trộm cắp tài sản*. Ngày 06/8/2011 chấp hành xong hình phạt tù và trở về địa phương sinh sống. Đã được xóa án tích.

Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 23/12/2016 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Ngô Đình D; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 08/8/1995 tại Huyện Kim S, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã Sơn L, Huyện K, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Ngô Đình T và bà Lê Thị L

Ngày 22/8/2013 bị Tòa án nhân dân Huyện K, tỉnh Gia Lai xử phạt 06 tháng tù giam về tội: *Trộm cắp tài sản* theo Bản án số 27/2013/HSST, đồng thời tuyên bố trả tự do cho bị cáo D ngay tại phiên tòa (*thời hạn tù bằng thời hạn tạm giam*), trở về thôn 1, xã Sơn L, Huyện K sinh sống. Đến ngày 10/10/2013 T đã nộp xong khoản tiền án HSST 200.000 đồng theo Bản án số 27/2013/HSST; *đã được xóa án tích*.

Bị cáo đầu thú, bị giam, giữ từ ngày 13/7/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa .

Nguyễn Văn T; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1982 tại Huyện T, tỉnh Bình Định. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã Sơn L, Huyện K, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm nông. Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Nguyễn C và bà Hà Thị Q; Vợ Trần Thị - sinh năm 1986, có 02 con (*lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2011*).

Bị cáo đầu thú, bị giam, giữ từ ngày 27/12/2016 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa .

Vũ Hải N; Tên gọi khác: N te; Sinh ngày 12/4/1984 tại Phú C, Ba V – Hà Nội; Nơi ĐKNKTT: Thôn N - Phú C - Ba V – Hà Nội; Chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã Sơn L, H K, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Vũ Hải S (*năm 1992 ly hôn với bà Trần Thị L*), hiện tại cư trú ở đâu không xác định và bà Trần Thị L ; Vợ Trần Thị D - sinh năm 1988, có 02 người con (*lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2015*).

Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 27/12/2016 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Văn P; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 18/12/1986 tại Huyện Quế P, tỉnh Nghệ An. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Sơn L, Huyện K, Gia Lai; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Tiền án, tiền sự: Không.

Con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị N. Vợ Ngô Thị T, có một con sinh năm 2014.

Bị cáo đầu thú, bị giam, giữ từ ngày 13/7/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Sơn L; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 10/5/1987 tại H Giao T, tỉnh N Định; Nơi ĐKNKTT: Thôn N, xã Sơn L, Huyện K, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã Sơn L, Huyện K, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Làm nông Con ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị N ; Vợ Trần Thị Kim O – sinh năm 1993, có một con sinh năm 2013,

Bị cáo đầu thú, bị giam, giữ từ ngày 27/12/2016 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Đinh Văn N1; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1989 tại Huyện K, tỉnh Gia Lai; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Làng S, xã Sơn L, Huyện K, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm nông; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Đinh Văn H và bà Đinh Thị D. Vợ Đinh Thị C, có 3 con.

Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 13/7/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Đinh Văn Q; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1984 tại Huyện K, tỉnh Gia Lai; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Làng S, xã Sơn L, Huyện K, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm nông; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Đinh Văn H và bà Đinh Thị HL; Vợ Đinh Thị N – sinh năm 1990, có một con sinh năm 2013.

Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 14/7/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Đinh Văn N2; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1982 tại Huyện K, tỉnh Gia Lai. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Làng S, xã Sơn L, H K, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm nông; Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Đinh Văn K (*chết*) và bà Đinh Thị N(*chết*). Vợ Đinh Thị C, có 02 con, sinh năm 2006 và 2009.

Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 13/7/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Đinh Văn T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 07 tháng 6 năm 1999 tại Huyện K, tỉnh Gia Lai.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Làng S, xã Sơn L, Huyện K, tỉnh Gia Lai; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm nông. Tiền án, tiền sự: Không. Con ông Đinh Văn V và bà Đinh Thị Đ (*chết*).

Bị cáo bị giam, giữ từ ngày 13/7/2017 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho các bị cáo: Đinh Văn Q, Đinh Văn N1, Đinh Văn Q , Đinh Văn N2, Đinh Văn T** là bà Trang Thị Thùy D, sinh năm 1986 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. *Có mặt tại phiên tòa.*

*** Nguyên đơn dân sự:** Công ty TNHH MTV L nghiệp K.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ N, sinh năm 1960 – Giám đốc Công ty;

Địa chỉ: xã K, Huyện K, tỉnh Gia Lai. *Có mặt tại phiên tòa.*

*** Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đinh Văn T:** Ông Đinh Văn V, Sinh năm 1971;

Trú tại: Làng S, xã Sơn L, K, Gia Lai. *Có mặt tại phiên tòa.*

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn Xuân P, sinh năm 1971;

Trú tại: Thôn Y, xã Sơn L, H K, Gia Lai. *Có mặt tại phiên tòa.*

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị VKSND H K truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Sáng ngày 02/9/2016 Đinh Văn Q gặp Đinh M (sinh ngày 28/ 02/ 2003) trú tại làng V, xã K, Huyện K thì M nói cho Q biết ở khu vực rừng Tang Nang, xã K có 02 cây gỗ Hương, hỏi Q có khai thác không M chỉ chỗ. Sáng ngày 03/9/2016 M dẫn Q vào khu vực rừng Tang Nang, xã K chỉ vị trí 02 cây gỗ Hương rồi cả hai đi về nhà. Sau đó khoảng 09 giờ ngày 05/9/2016 Đinh Văn Q gọi điện thoại cho Nguyễn Anh H nói trong khu vực rừng Tang Nang, xã K có 02 cây gỗ Hương, một cây đã chết có đường kính lớn, hỏi H có khai thác không Q chỉ chỗ. H nói có gì mai vào xem.

Sáng ngày 06/9/2016 Nguyễn Anh H cùng với Hà Ngọc Q điều khiển xe mô tô từ thị trấn K vào xã Sơn L gặp Q xem cây gỗ Hương như thế nào để chuẩn bị khai thác. Sau khi gặp Q và được Q chỉ vị trí hai cây gỗ Hương tại khu vực rừng Tang Nang thì H và Q về lại thị trấn K. Trên đường về gần khu vực UBND xã Sơn L, H và Q gặp Trần Hồng Q. H rủ Q vào xã K làm gỗ với H nhưng Q nói mới bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai thác gỗ trái phép nên không đi. H nhờ Q tìm cho mấy người có xe mô tô đi chở gỗ cho H, Q đồng ý. Đến khoảng 18 giờ ngày 07/9/2016 H gọi điện thoại cho các đối tượng Hoàng Kim T, Trần Văn K nói sáng ngày 08/9/2016 đi vào rừng K cưa, xẻ gỗ cho H, tập trung tại nhà Nguyễn Minh S làng Đăk A, xã Sơn L để cùng đi, T, K đồng ý.

Khoảng 08 giờ ngày 08/9/2016 H gọi điện cho Hà Ngọc Q đến nhà H tại tổ dân phố Y, thị trấn K để vào rừng khai thác gỗ. Q điều khiển xe mô tô chở H cùng 20 lít xăng, 10 lít nhớt H đã mua trước đó vào xã Sơn L. Đến xã Sơn L, Q và H ghé vào nhà Đinh Văn Q gửi 20 lít xăng, 10 lít nhớt đồng thời H nói với Q tìm cho 04-05 người trong làng đi phụ khai thác gỗ. Sau đó Q đến nhà và nói với các đối tượng Đinh Văn Q, Đinh Văn N1, Đinh Văn N2, Đinh Văn T và Bùi Văn K tất cả người cùng làng S, xã Sơn L đi khai thác gỗ cho H, H trả tiền công 200.000 đồng/ngày, nghe Q nói vậy tất cả các đối tượng trên đều đồng ý và thống nhất chiều ngày 08/9/2016 đi khai thác gỗ cho H.

Sau khi nhờ Q tìm người đi khai thác gỗ, H và Q đến quán cà phê Thủy Ngà ở làng Đăk A, xã Sơn L uống cà phê. Tại quán cà phê H gọi điện cho các đối tượng Lưu Văn T, Nguyễn Minh S đến uống cà phê. Trong lúc uống cà phê H nói với T và Sơn đi vào xã K khai thác gỗ T và Sơn đồng ý. Sau đó H tiếp tục gọi điện cho Hoàng Kim T, Hà Ngọc L nói đi khai thác gỗ Hương cho H; H nói với T khi đi mang theo một máy cưa xăng, nói với Hà Ngọc L mua giúp 01 xích cưa loại 1,2m rồi tập trung tại nhà Nguyễn Minh S để cùng đi. H tiếp tục gọi điện cho Trần Hồng

Q nói Q gọi giúp 04-05 người có xe mô tô đi chở gỗ cho H và thống nhất chiều ngày 08/9/2016 tập trung tại nhà Nguyễn Minh S trú tại làng Đắc A, xã Sơn L để đi vào rừng khai thác gỗ. Sau đó Q gọi điện thoại cho Vũ Hải N (em vợ của Q) đến quán cà phê ông Nhị (gần nhà Q) uống cà phê rồi Q nói N vào rừng Tang Nang, xã K chở gỗ cho H, H trả tiền công và nói với N tìm cho 04- 05 người nữa cùng đi. Sau đó N rủ Nguyễn Văn T, Nguyễn Sơn L cùng đi chở gỗ cho H và nói với T, L có ai gọi giúp cùng đi. Sau đó T gọi cho Nguyễn Văn P, L gọi cho Ngô Đình D cùng đi chở gỗ cho H để lấy tiền công. Tất cả thống nhất khoảng 13 giờ ngày 08/9/2016 tập trung trước nhà của P tại thôn 3, xã Sơn L để cùng đi.

Uống cà phê đến khoảng 09 giờ cùng ngày thì H nói với T, Sơn và Q về nhà Sơn ăn cơm trưa rồi đi vào rừng khai thác gỗ. Tại nhà Sơn H gọi điện cho Trần Hồng Q, Đinh Văn Q nói đến nhà Sơn ăn cơm trưa chuẩn bị đi khai thác gỗ, đồng thời nói với Q và Q gọi số người H nhờ Q và Q gọi đi chở và phụ giúp xẻ gỗ đến nhà Sơn rồi cùng đi.

Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, tại nhà Nguyễn Minh S gồm các đối tượng: Nguyễn Anh H, Nguyễn Minh S, Lưu Văn T, Hoàng Kim T, Trần Văn K, Hà Ngọc Q, Hà Ngọc L, Trần Hồng Q, Đinh Văn Q. Sau khi ăn trưa tại nhà Sơn, cả bọn thống nhất chiều ngày 08/9/2016 là vào rừng khai thác gỗ. H nói với T, Hà Ngọc L, T, Sơn là H và Q đi vào xã K để căn đường hướng đi rừng Tang Nang; Q đến làng S căn đường hướng từ làng S, xã Sơn L lên rừng Tang Nang; Q căn đường hướng từ làng Đất Đỏ về rừng Tang Nang; số còn lại đi vào rừng khai thác gỗ do T, Sơn và Hà Ngọc L hướng dẫn, trong quá trình khai thác gỗ có gì liên lạc qua điện thoại.

Sau khi thống nhất xong, khoảng 13 giờ cùng ngày, H chở Q đi vào xã K và đi lên dốc suối Tang Nang để căn đường. Q đi về làng S, xã Sơn L để căn đường và nói với T, Sơn đến làng S, xã Sơn L đợi và dẫn đường nhóm chở gỗ. Đinh Văn Q về lại nhà dẫn các đối tượng Đinh Văn Q, Đinh Văn N1, Đinh Văn N2, Đinh Văn T, Bùi Văn K rồi cùng với Hoàng Kim T, Trần Văn K, Hà Ngọc L đi xe mô tô vào rừng khai thác gỗ. Khi đi T và Q mỗi người mang theo 01 cửa xăng (01 cái của T, 01 cái của H gửi nhà Q trước đó), xăng nhớt và dụng cụ cần thiết cho việc khai thác gỗ. T và Sơn đến làng S một lúc thì thấy nhóm chở gỗ do Q gọi gồm: Vũ Hải N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Sơn L, Nguyễn Văn P, Ngô Đình D mỗi người điều khiển một xe mô tô đến. Sau đó T và Sơn dẫn nhóm chở gỗ trên đi vào rừng xã K khai thác gỗ.

Khi đi đến khu vực rừng Tang Nang, thuộc khoảnh 06, tiểu khu 90 L phần do Công ty TNHH MTV L nghiệp K quản lý thì phát hiện có nhiều người đi làm rẫy qua khu vực gần 02 cây Hương định khai thác, sợ bị phát hiện nên Q nói cả nhóm nghỉ lại ở ven đường chờ đến tối rồi vào khai thác. Một lúc sau thì nhóm của T, Sơn, N, T, P, T và Nguyễn Sơn L đi đến. Q nói với T và Sơn sợ bị động nên nghỉ lại đây, chờ đến tối sẽ vào làm. Trong lúc ngồi chờ, khoảng 15 giờ cùng ngày H gọi điện cho T hỏi đã khai thác gỗ chưa, T nói có người đi làm rẫy sợ bị phát hiện chờ đến tối mới làm. Trong lúc cả nhóm chờ đến tối vào khai thác gỗ thì Bùi Văn K tự ý bỏ về nhà lại làng S, xã Sơn L không tham gia khai thác gỗ. Một lúc sau T và Sơn về lại nhà Sơn tại làng Đắc A nấu cơm để mang đến cho đồng bọn ăn tối. Về đến

nhà, Sơn đến quán ông Ngà (gần nhà Sơn) mua 09 cái đèn pin đội đầu để soi sáng trong quá trình khai thác gỗ.

Chờ đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Q dẫn cả nhóm đi vào cây gỗ Hương T nhất tại tọa độ: OX 0500461 –OY 1582751 tại khoảnh 6, tiểu khu 90 L phần do Công ty TNHH MTV L nghiệp K quản lý để khai thác. Đến nơi các đối tượng Đinh Văn N1, Đinh Văn Q, Đinh Văn N2 dùng rựa phát dọn dây leo xung quanh gốc cây Hương. Phát dọn xong, Hoàng Kim T và Trần Văn K trực tiếp dùng cưa xăng thay nhau cắt hạ cây gỗ Hương, khoảng gần hai tiếng sau thì cây đổ. Do cây Hương có đường kính lớn nên cả bọn không làm vì sợ không xẻ gỗ kịp, không vận chuyển gỗ ra được trong đêm nên nói với Q chỉ gây gỗ Hương khác để làm.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại báo cho H đã cắt hạ 01 cây gỗ Hương nhưng có đường kính lớn không xẻ kịp trong đêm nên tìm cây gỗ Hương khác để làm, H đồng ý. Sau đó Q dẫn cả nhóm đi đến cây Hương T hai (cách vị trí cây T nhất khoảng 100m) tại tọa độ: OX 0500461-OY 1582911, khoảnh 6, tiểu khu 90 để khai thác. T và K tiếp tục dùng cưa xăng thay nhau cắt hạ cây gỗ Hương. Trong quá trình T và K cắt hạ 02 cây gỗ Hương thì các đối tượng Lưu Văn T, Nguyễn Minh S, Đinh Văn N1, Đinh Văn Q, Đinh Văn N2 đứng gần khu vực cây gỗ Hương để phụ giúp T và K cắt hạ cây. Các đối tượng Hà Ngọc L, Đinh Văn Q, Đinh Văn T có nhiệm vụ đi dạo gần khu vực khai thác 02 cây gỗ Hương để cảnh giới có gì báo cho nhóm khai thác biết; còn các đối tượng Vũ Hải N, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Sơn L, Ngô Đình D ngồi chờ T và K cắt hạ, xẻ gỗ thành hộp rồi vận chuyển về làng S, xã Sơn L để tiêu thụ.

Sau khi cắt hạ cây gỗ Hương T hai, T và K tiếp tục mỗi người cầm một cưa xăng cắt hai lóng gỗ, mỗi lóng dài 2,5m và xẻ gỗ theo quy cách. Đến khoảng 02 giờ ngày 09/9/2016 T và K xẻ được 05 hộp gỗ có quy cách dài 2,5m, rộng 70cm đến 80cm thì cả hai mệt nên T và K đi về nhà Q ngủ, khi về T mang theo 01 máy cưa xăng của T. Các đối tượng còn lại gồm T, Sơn, N1, Quý, N1, Hà Ngọc L, Q, T, N, P, T, Nguyễn Sơn L, T tập trung cùng nhau kéo 04 hộp gỗ Hương xuống đường rồi bốc 04 hộp gỗ lên 04 xe mô tô của P, N, Nguyễn Sơn L và xe của Hà Ngọc L điều khiển chở về làng S, xã Sơn L để tiêu thụ; số còn lại phụ đẩy phía sau xe mô tô. 01 hộp gỗ bị sàu ruột nên bỏ lại hiện trường. Các đối tượng trên vận chuyển gỗ đi được khoảng 01km thì Nguyễn Xuân P chở Trần Hồng Q chạy xe mô tô đến. Thấy T mệt nên Q nói với P thay T chở một đoạn. P điều khiển xe mô tô chở gỗ tiếp tục chạy một đoạn khoảng 200m. Lúc này khoảng 06 giờ ngày 09/9/2016, H phát hiện lực lượng bảo vệ rừng và Kiểm lâm đi vào rồi gọi điện báo cho L, T, Sơn biết. Sau khi nghe điện thoại, T, Sơn thông báo cho cả nhóm biết và dừng xe lại cất giấu 04 hộp gỗ ven đường (gần đầm làng S, xã Sơn L) sau đó tất cả đi về. H và Q đi xe mô tô về nhà anh K (làng S, xã Sơn L) chờ đến khoảng 09 giờ cùng ngày thì thấy Q, N1, N1, T, Quý, T, L, Sơn về và đến nhà anh K. Tại đây H nói với Q, N1, N1, Quý, T nếu cơ quan chức năng có hỏi ai khai thác 02 cây gỗ Hương thì nói không biết, sau đó H cùng đồng bọn đi về nhà rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Sau khi gây án, từ ngày 20/9/2016 đến ngày 17/10/2016 các đối tượng H, T, P, N, T, T, T, Sơn, Q, Nguyễn Sơn L, Q, Q, Quý, N1, N1, T đến cơ quan CSĐT Công an Huyện K đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Riêng hai đối tượng Trần Văn K và Hà

Ngọc L bỏ trốn. Đến ngày 06/01/2017 K đến cơ quan CSĐT Công an Huyện K đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Ngày 26/4/2017 cơ quan cảnh sát điều tra Công an H K bắt Hà Ngọc L theo quyết định truy nã. (Bút lục số: 45 -> 48; 60 -> 86; 115 -> 156; 285, 286; 365 -> 438; 558, 559; 594 -> 601).

Căn cứ kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 13/09/2016 xác định: Hiện trường xảy ra vụ khai thác gỗ trái phép xảy ra tại khoảnh 6, tiểu khu 90, L phần do Công ty TNHH MTV L nghiệp K quản lý thuộc địa giới hành chính xã K, Huyện K; loại rừng sản xuất; trạng thái rừng xanh trung bình. Vị trí hiện trường khai thác cách UBND xã K về hướng Đông khoảng 1,5 km theo đường chim bay, có 02 (hai) cây gỗ Hương (nhóm I) bị chặt hạ, cưa xẻ trái phép bằng phương tiện cưa xăng. Vỏ, thân, lá và bột cưa tại hiện trường còn mới, xác định thời điểm chặt hạ cách thời điểm khám nghiệm hiện trường 05 ngày.

Đo đếm tổng khối lượng gỗ tròn thiệt hại của 02 cây gỗ Hương (nhóm I) là $30,166m^3$, trong đó cây T nhất là $23,309m^3$, cây T hai là $6,857m^3$.

Mở rộng hiện trường cách vị trí cây số 01 khoảng 04km về hướng xã Sơn L phát hiện 05 hộp gỗ Hương xẻ, khối lượng $1,470m^3$. (BL số 20-> 24).

Vật chứng vụ án thu giữ gồm:

- Thu giữ gỗ tròn của 02 cây gỗ Hương còn lại hiện trường là $17,254m^3$ (có lý lịch gỗ kèm theo); xẻ gỗ ra là 66 hộp với khối lượng $12,057m^3$ (gỗ xẻ).

- Thu giữ gỗ Hương xẻ còn lại hiện trường 07 hộp là $2,042m^3$ (có lý lịch gỗ kèm theo).

Tổng cộng 73 (bảy mươi ba) hộp gỗ xẻ với khối lượng $14,099m^3$ (quy ra gỗ tròn là $22,609m^3$).

- 01 (một) xe mô tô BKS 81H3- 4390, nhãn hiệu LONKIM, màu sơn nâu; số máy : 1C150FMGO1683259, số khung: MT200083259, xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô BKS 81S1- 3322, nhãn hiệu VRCSTAR, màu sơn nâu; số máy VVNZS150FMG08184, số khung: VVNPCG012VN108184, xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô không có BKS, nhãn hiệu ZAPPY, màu sơn nâu; số máy: VTT24JL1P50FMG000472, số khung: RRKDCG1JT6XH00472, xe đã qua sử dụng.

- 01 (một) xe mô tô không có BKS, nhãn hiệu LIFAN, màu nâu; số máy 1P50FHG-310686652, xe đã qua sử dụng.

- 01(một) máy cưa xăng hiệu STIHL, ký hiệu MS381, màu trắng đỏ; máy đã qua sử dụng.

- 02 (hai) lam cưa xăng dài 80cm, đã qua sử dụng.

- 01 (một) lam cưa xăng dài 1,2m đã qua sử dụng.

- 01(một) xích cưa xăng dài 80cm, đã qua sử dụng.

(BL số: 257 -> 262).

Riêng vật chứng vụ án là 01 máy cưa xăng của Nguyễn Anh H dùng cưa, xẻ gỗ; xe mô tô của Hà Ngọc L vận chuyển gỗ; 09 cái đèn bin đội đầu, rựa, điện thoại di động của các bị can liên lạc trong quá trình gây án đã bị mất, thất lạc. Ngày 29/11/2016, 30/5/2017 cơ quan CSĐT Công an H K tiến hành truy tìm theo khai nhận của các đối tượng nhưng không thu giữ được.(BL số 282a).

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 46/KL- HĐĐG ngày 27/9/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Huyện K kết luận giá trị của 30,166m³ gỗ Hương (nhóm I) là 676.495.716 đồng (*Sáu trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn bảy trăm mười sáu đồng*). (BL số 110).

Trong quá trình điều tra đã thu giữ số lượng gỗ tại hiện trường là 14,099m³ gỗ Hương xẻ (Nhóm I). Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 01/KL- HĐĐG ngày 16/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Huyện K kết luận giá trị của 14,099m³ gỗ Hương xẻ (nhóm I) quy ra gỗ tròn 22,609m³ là: 449.368.127 đồng (*Bốn trăm bốn mươi chín triệu ba trăm sáu mươi T ngàn một trăm hai mươi bảy đồng*). (BL số 446)

Ngày 16/12/2016 cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện K đã ra Quyết định xử lý vật chứng vụ án và ngày 17/12/2016 đã trả lại cho Công ty TNHH MTV L nghiệp K 73 (*bảy mươi ba*) hộp gỗ Hương xẻ, với khối lượng 14,099m³ (*Có lý lịch gỗ kèm theo*). Đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV L nghiệp K ông Nguyễn Thành Vinh đã nhận toàn bộ số gỗ trên. (BL số 454, 455).

Trách nhiệm bồi thường dân sự trong vụ án: Tổng giá trị thiệt hại đối với Công ty TNHH MTV L nghiệp K theo kết luận định giá tài sản xác định giá trị của 30,166m³ gỗ Hương là 676.495.716 đồng. Giá trị gỗ Hương thu giữ được tại hiện trường (22,609m³ gỗ tròn) là 449.368.127 đồng. Trong quá trình điều tra, ông Võ N (Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV L nghiệp K) yêu cầu các bị can phải bồi thường lại cho Công ty TNHH MTV L nghiệp K số tiền thiệt hại còn lại là: 227.127.589 đồng (*Hai trăm hai mươi bảy triệu một trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm T mươi chín ngàn đồng*). Các bị can chưa bồi thường gì về mặt dân sự. (BL số: 602a).

Ngoài ra quá trình điều tra xác định:

Đối với các đối tượng Đinh M, Bùi Văn K, Nguyễn Xuân P có liên quan đến vụ án, quá trình điều tra xác định:

Đối với đối tượng Đinh M có hành vi chỉ cho Đinh Văn Q 02 cây gỗ Hương để Q cùng đồng bọn khai thác. Quá trình điều tra xác định tính đến ngày phạm tội M mới có 13 tuổi 06 tháng 20 ngày nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật nên cơ quan CSĐT Công an Huyện K không xem xét xử lý đối với M là có căn cứ.

Đối với Bùi Văn K, chiều ngày 08/9/2016 có tham gia đi vào rừng để khai thác gỗ. Tuy nhiên khi đi đến khu vực suối Tang Nang, thuộc khoảnh 06, tiểu khu 90 L phần do Công ty TNHH MTV L nghiệp K quản lý; trong lúc ngồi chờ đến tối vào khai thác thì Bùi Văn K tự ý bỏ về nhà lại làng S, xã Sơn L không tham gia khai thác gỗ nữa và cũng không giúp sức gì trong quá trình H cùng đồng bọn khai thác gỗ nên cơ quan CSĐT Công an Huyện K không xem xét xử lý đối với K là có căn cứ.

Đối với đối tượng Nguyễn Xuân P, khoảng 05 giờ ngày 09/9/2016 khi P đang ở nhà tại thôn 02, xã Sơn L thì Trần Hồng Q gọi điện nhờ P mua bánh cuốn đến làng S, xã Sơn L cho Q. Đến làng S Q rủ P đi vào rừng xã K để xem Vũ Hải N vận chuyển gỗ bị ngã xe có bị thương không. Trên đường đi vào thì Q và P gặp nhóm Ngô Đình D cùng đồng bọn đang vận chuyển gỗ bằng xe mô tô về làng S, xã Sơn L.

Thấy T mệt nên Q nói với P điều khiển xe chở gỗ giúp T một đoạn. P thay T điều khiển xe mô tô chở gỗ chạy một đoạn khoảng 200m thì nghe Lưu Văn T nói có Kiểm L H nên P và một số đối tượng khác giấu gỗ ven đường rồi đi về nhà. Quá trình điều tra xác định trước đó P không có bàn bạc, thỏa thuận gì với Trần Hồng Q cũng như các bị can khác về việc khai thác gỗ cho H vào ngày 08/9/2016. Xét thấy hành vi của P chưa đủ yếu tố cấu thành tội nên cơ quan CSĐT Công an H K không xem xét xử lý đối với P là có căn cứ và chuyển hồ sơ đề nghị Hạt Kiểm L Huyện K xử phạt vi phạm hành chính đối với P về hành vi vận chuyển gỗ trái phép.

Tại phiên toà, đại diện VKSND Huyện K trong phần tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như cáo trạng và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố các bị cáo (*18 bị cáo*): Nguyễn Anh H, tên gọi khác: **Ph**; Trần Văn K, tên gọi khác: **V**; Hoàng Kim T, tên gọi khác: **N**; Lưu Văn T, tên gọi khác: **T già làng**, Đinh Văn Q, Trần Hồng Q, Hà Ngọc L, tên gọi khác: **Hà Ngọc L**, Nguyễn Minh S, Hà Ngọc Q, Ngô Đình D Nguyễn Văn T, Vũ Hải N, Nguyễn Văn P, Nguyễn Sơn L, Đinh Văn Q, Đinh Văn N1, Đinh Văn N2, Đinh Văn T, phạm tội: **"Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng"**.

- Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự (BLHS); điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 53 của BLHS đối với các bị cáo: Nguyễn Anh H, Trần Văn K, Hoàng Kim T, Lưu Văn T, Đinh Văn Q, Trần Hồng Q, Hà Ngọc L, Nguyễn Minh S, Hà Ngọc Q, Ngô Đình D, Nguyễn Văn T, Vũ Hải N, Nguyễn Văn P, Nguyễn Sơn L, Đinh Văn Q, Đinh Văn N1, Đinh Văn N2.

Áp dụng thêm điểm **h khoản 1 Điều 46** của BLHS đối với các bị cáo : Nguyễn Anh H, Hoàng Kim T, Trần Văn K, Lưu Văn T, Nguyễn Minh S, Trần Hồng Q, Đinh Văn Q, Nguyễn Văn T, Vũ Hải N, Nguyễn Văn P, Nguyễn Sơn L, Đinh Văn N1, Đinh Văn Q, Đinh Văn N2;

Áp dụng thêm **khoản 2 Điều 46** của BLHS đối với các bị cáo, Nguyễn Anh H, Hoàng Kim T, Lưu Văn T, Nguyễn Minh S, Trần Hồng Q, Vũ Hải N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Sơn L, Nguyễn Văn P, Ngô Đình D, Hà Ngọc Q, Trần Văn K;

Áp dụng thêm điểm x khoản 01 Điều 51 của BLHS năm 2015 đối với các bị cáo: Đinh Văn Q, Đinh Văn Q, Đinh Văn N2, Hà Ngọc L. Vì các bị cáo có cha ruột là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến.

Áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS đối với bị cáo Hà Ngọc L.

-Áp dụng Điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự; các điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 31; Điều 53; Điều 69; khoản 1 Điều 73 của BLHS; khoản 3 Điều 227 của BLTTHS đối với bị cáo Đinh Văn T;

Đề nghị xử phạt các bị cáo mức án:

*Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh H, từ **30 => 36** tháng tù giam;

*Xử phạt bị cáo Trần Văn K, từ **26 => 28** tháng tù giam;

*Xử phạt bị cáo Hoàng Kim T, từ **24 => 26** tháng tù giam;

*Xử phạt các bị cáo Lưu Văn T, Trần Hồng Q, mỗi bị cáo từ **18 => 20** tháng tù giam;

* Xử phạt bị cáo Đinh Văn Q, từ **20 => 22** tháng tù giam;
* Xử phạt bị cáo Hà Ngọc L từ **22 => 24** tháng tù giam;
* Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh S, từ **16 => 18** tháng tù giam;
* Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn T, Vũ Hải N, Nguyễn Văn P, Nguyễn Sơn L, mỗi bị cáo từ **10 => 12** tháng tù giam;
* Xử phạt các bị cáo Hà Ngọc Q, Ngô Đình D mỗi bị cáo từ **12 => 14** tháng tù giam;
* Xử phạt các bị cáo Đinh Văn Q, Đinh Văn N1, Đinh Văn N2, mỗi bị cáo từ **08 => 10** tháng tù giam;

* Xử phạt bị cáo Đinh Văn T **09 => 12 tháng cải tạo không giam giữ**.
Được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam. Không khấu trừ thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Đinh Văn T .

Tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về tội khác.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với các bị cáo.

Về Dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 42 của BLHS; Các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự; buộc các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH MTVL nghiệp K do hành vi phạm tội gây ra là: **227.127.589** đồng. Riêng đối với bị cáo Đinh Văn T khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi , không có tài sản riêng, buộc đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Đinh Văn V là cha ruột của bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cùng với bị cáo T.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Anh H tự nguyện chịu 50.000.000 đồng và bị cáo Hoàng Kim T tự nguyện chịu 20.000.000 đồng. Đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của hai bị cáo H và T.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 76 của Bộ luật TTHS:

Tuyên tịch thu bán thu công quỹ Nhà Nước đối với các công cụ, phương tiện mà các bị cáo sử dụng dùng để khai thác gỗ trái phép đã được thu giữ gồm: **04** xe Mô tô các bị cáo sử dụng để lưu thông, vận chuyển gỗ trái phép và **01** máy cưa xăng.

Tuyên tịch thu tiêu hủy vật chứng vụ án thu giữ gồm: **02** (*hai*) lam cửa xăng dài 80cm; **01** (*một*) lam cửa xăng dài 1,2m; **01**(*một*) xích cửa xăng dài 80cm, đều đã qua sử dụng.

Áp dụng khoản 02 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Án phí Hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo (*18 bị cáo*), mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí HSST.

- Án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo và đại diện hợp pháp của bị cáo Đinh Văn T là ông Đinh Văn V , mỗi bị cáo phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Bà Trang Thị Thùy D - Người bào chữa cho các bị cáo Đinh Văn Q, Đinh Văn N1, Đinh Văn Q, Đinh Văn N2, Đinh Văn T trình bày:

Thống nhất với tội danh và Điều luật truy tố của Viện Kiểm sát đối với các bị cáo. Người bào chữa đưa ra một số tình tiết để HĐXX xem xét khi quyết định hình phạt cho các bị cáo;

Các bị là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, 4/5 bị cáo không biết chữ; Các bị cáo đều có nơi ở ổn định; thuộc diện gia đình hộ nghèo, đều có con nhỏ, đều sống trong vùng đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt, đây là lần đầu các bị cáo phạm tội. Các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và thật sự ăn năn hối lỗi.

Người bào chữa đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo đều được áp dụng điểm h,p khoản 01 Điều 46 của Bộ luật hình sự; Riêng đối với hai bị cáo Đinh Văn Q và Đinh Văn Q là anh, em ruột nên có cha là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương, do vậy được áp dụng thêm Điểm x khoản 01 Điều 51 của BLHS năm 2015, để giảm nhẹ cho các bị cáo.

Đề nghị quyết định mức hình phạt cho bị cáo Đinh Văn Q bằng với thời gian mà bị cáo Q đã bị tạm giam;

Đề nghị áp dụng thêm Điều 60 của BLHS để cho 03 bị cáo Đinh Văn N1, Đinh Văn Q, Đinh Văn N2 được hưởng án treo, mức án từ 06 đến 08 tháng;

Đề nghị áp dụng điểm p, h khoản 01 Điều 46; Điều 69; Điều 73 của BLHS để cho bị cáo Đinh Văn T được hưởng án cải tạo không giam giữ, mức tuyên bằng với mức Viện kiểm sát đề nghị.

Phản tranh luận:

Phản tranh luận giữa đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho các bị cáo Đinh Văn Q, Đinh Văn N1, Đinh Văn Q, Đinh Văn N2, Đinh Văn T Đại diện Viện kiểm sát không đồng ý với quan điểm của người bào chữa về mức hình phạt áp dụng cho bị cáo Đinh Văn Q, vì Q có vai trò rất quan trọng trong vụ án, bị cáo là người trực tiếp chỉ 2 cây gỗ cho bị cáo H; Q có nhiệm vụ cản đường, cảnh giới; Q bị bắt mà không tự nguyện ra đầu thú; vai trò của Q trong vụ án chỉ đứng sau các bị cáo Nguyễn Anh H, Trần Văn K, Hoàng Kim T. Do vậy để có tác dụng răn đe, trừng trị thì cần áp dụng mức hình phạt từ 20 đến 22 tháng là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát không đồng ý với quan điểm của người bào chữa về điều luật áp dụng cho các bị cáo: Đinh Văn N1, Đinh Văn Q, Đinh Văn N2 được hưởng án treo. Vì với vai trò của các bị cáo thấp hơn, nhưng khi phạm tội các bị cáo

tham gia tích cực. Đồng thời, để phục vụ tình hình chính trị địa phương thì cần áp dụng mức án giam cho các bị cáo như đã đề nghị để cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đại diện Viện kiểm sát đồng ý với quan điểm của người bào chữa về điều luật áp dụng cho các bị cáo Đinh Văn N2 và hai anh em ruột là Đinh Văn Q, Đinh Văn Q, các bị cáo đều có cha là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huy chương, do vậy được áp dụng thêm Điểm x khoản 01 Điều 51 của BLHS năm 2015, để giảm nhẹ cho các bị cáo.

Đối với 13 bị cáo còn lại, các bị cáo đều không tranh luận gì;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, người bào chữa cho các bị cáo Đinh Văn Q, Đinh Văn N1, Đinh Văn Q, Đinh Văn N2, Đinh Văn T và 13 bị cáo khác cùng những người tham gia tố tụng khác, HĐXX:

XÉT THẤY

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người làm chứng, đại diện nguyên đơn dân sự, đồng thời cũng phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở kết luận rằng:

Sáng ngày 05/9/2016 sau khi nghe Đinh Văn Q chỉ vị trí 02 cây gỗ Hương tại khu vực rừng Tang Nang, xã K, H K thì Nguyễn Anh H nảy sinh ý định khai thác 02 cây gỗ này để bán kiếm tiền tiêu xài cá nhân.

Thực hiện ý định trên, Nguyễn Anh H đã mua 20 lít xăng, 10 lít nhớt, chuẩn bị 01 cửa xăng và những vật dụng cần thiết để đi khai thác gỗ. Sáng ngày 08/9/2016 H gọi điện thoại và gặp các đối tượng Trần Văn K, Hoàng Kim T, Lưu Văn T, Nguyễn Minh S, Hà Ngọc Q, Hà Ngọc L, Trần Hồng Q, Đinh Văn Q để bàn bạc, thỏa thuận với các đối tượng trên vào khu vực rừng Tang Nang, xã K khai thác gỗ cho H, H trả tiền công; tất cả đều đồng ý. Sau đó H nói với đối tượng Trần Hồng Q tìm giúp cho khoảng 5 người có xe mô tô đi chở gỗ cho H, nhận lời H nên Q đã nói với Vũ Hải N đi chở gỗ cho H và nhờ N gọi thêm các đối tượng, N đã gọi Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn P, Nguyễn Sơn L, Ngô Đình D. H nói với Đinh Văn Q tìm kiếm khoảng 4 - 5 người trong làng đi khai thác gỗ cho H, H trả tiền công; Đinh Văn Q gọi các đối tượng trong làng gồm Đinh Văn Q, Đinh Văn N1, Đinh Văn N2, Đinh Văn T, Bùi Văn K tất cả các đối tượng đều đi khai thác gỗ cho H. H cùng đồng bọn thống nhất tập trung tại nhà Nguyễn Minh S tại làng Đăk A ăn cơm tối rồi cùng đi. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Đinh Văn Q dẫn cả nhóm đến tại khoảnh 6, tiểu khu 90 L phần do Công ty TNHH MTV L nghiệp K quản lý để khai thác gỗ Hương. Hoàng Kim T và Trần Văn K trực tiếp dùng cửa xăng cắt hạ 02 cây Hương và xẻ gỗ; các đối tượng khác trong nhóm tham gia giúp T, K trong quá trình cắt, xẻ

gỗ và cảnh giới khu vực xung quanh. Hậu quả Nguyễn Anh H cùng đồng bọn khai thác 02 cây gỗ Hương tại khoảnh 06, tiểu khu 90 L phần do Công ty TNHH MTV L nghiệp K quản lý với khối lượng gỗ thiệt hại là $30,166\text{m}^3$, tổng giá trị 676.495.716 đồng. Trong đó cây T nhất là $23,309\text{m}^3$ + cây T hai là $6,857\text{m}^3$. Tang vật gỗ đã được thu giữ và được giao cho đại diện nguyên đơn dân sự nhận 73 (*bảy mươi ba*) hộp gỗ xẻ với khối lượng $14,099\text{m}^3$ (*quy ra gỗ tròn là $22,609\text{m}^3$*), trị giá 449.368.127 đồng.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Anh H cùng đồng bọn gồm: Trần Văn K, Hoàng Kim T, Đinh Văn Q, Trần Hồng Q, Lưu Văn T, Nguyễn Minh S, Hà Ngọc L, Vũ Hải N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Sơn L, Ngô Đình D, Nguyễn Văn P, Hà Ngọc Q, Đinh Văn Q, Đinh Văn N1, Đinh Văn N2, Đinh Văn T, đủ yếu tố cấu thành tội: “ *Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng* ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Qua ý kiến luận tội của đại diện VKS đã đề nghị hướng xử lý vụ án. Sau khi xem xét nhân thân của từng bị cáo, đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội cũng như xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS áp dụng đối với từng bị cáo, HĐXX xét thấy đây là vụ án đồng phạm nhưng với tính chất giản đơn.

*Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án, thấy rằng:

Nguyễn Anh H giữ vai trò chính, H là người chủ mưu, khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác tham gia khai thác trái phép 2 cây gỗ Hương. H là người tổ chức phân công nhiệm vụ, chuẩn bị công cụ, phương tiện cần thiết cho việc đi khai thác gỗ. Trong quá trình đồng bọn thực hiện hành vi chặt hạ, xẻ gỗ thì bị cáo và Hà Ngọc Q làm nhiệm vụ canh giới, liên lạc với đồng bọn. Do vậy, bị cáo phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc và cao hơn so với các bị cáo khác trong vụ án.

Vai trò tiếp theo thuộc về hai bị cáo Hoàng Kim T, Trần Văn K, đồng phạm với vai trò là người thực hành tích cực, là người trực tiếp dùng cưa xăng cắt hạ 2 cây gỗ Hương. Sau khi gây án K bỏ trốn, gây khó khăn cho hoạt động điều tra, nên cần phải xử phạt nghiêm;

Các bị cáo Lưu Văn T, Đinh Văn Q, Nguyễn Minh S, Hà Ngọc Q, Hà Ngọc L, Trần Hồng Q, đồng phạm với vai trò giúp sức, do Nguyễn Anh H trực tiếp rủ và tham gia thực hành khai thác, canh giới. Trong đó, T phụ trách và cùng với Hoàng Kim T là người trực tiếp liên lạc với H để trao đổi thông tin cũng như quán xuyến, chỉ đạo đồng bọn trong quá trình khai thác gỗ. Đối với Đinh Văn Q, bị cáo là người trực tiếp chỉ cho H 2 cây gỗ Hương để H tổ chức đi khai thác và là người trực tiếp tìm được 4 bị cáo tham gia là Đinh Văn N1, Đinh Văn Q, Đinh Văn N2, Đinh Văn T đi khai thác gỗ cho H;

Đối với bị cáo Hà Ngọc L, được H nhờ mua lưỡi cưa, trực tiếp khai thác gỗ và chở gỗ về làng cất giấu; Sau khi gây án bị cáo bỏ trốn phải ra quyết định tru nã, đã gây khó khăn cho hoạt động điều tra vụ án, nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo;

Đối với bị cáo Trần Hồng Q, sau khi nghe bị cáo H rủ đi khai thác gỗ và nhờ gọi thêm người có xe vào rừng để chở gỗ thì bị cáo đã trực tiếp rủ bị cáo Vũ Hải N đi chở gỗ cho H và nhờ N rủ thêm các đối tượng khác tham gia;

Các bị cáo Vũ Hải N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Sơn L, Ngô Đình D, Nguyễn Văn P, đồng phạm với vai trò người giúp sức trong khai thác và vận chuyển gỗ. Các bị cáo có vai trò trực tiếp vận chuyển gỗ từ nơi khai thác bằng phương tiện 5 xe Mô tô của các bị cáo về làng để cất dấu;

Các bị cáo Đinh Văn N1, Đinh Văn Q, Đinh Văn N2, Đinh Văn T, đồng phạm với vai trò người giúp sức, trong quá trình K và T cắt , xẻ thì các bị cáo phát dọn dây leo xung quanh gốc cây Hương và phụ giúp đẩy xe cho các bị cáo chở gỗ về làng; Bị cáo T còn tham gia với bị cáo Q làm nhiệm vụ cảnh giới;

* HĐXX xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo;

Các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do vậy cho 18 bị cáo đều được áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự (BLHS);

Các bị cáo Nguyễn Anh H, Hoàng Kim T, Lưu Văn T, Nguyễn Minh S, Đinh Văn Q, Nguyễn Văn T, Vũ Hải N, Nguyễn Văn P, Nguyễn Sơn L, Đinh Văn N1, Đinh Văn N2, Đinh Văn T, Trần Hồng Q, Trần Văn K, Đinh Văn Q đều chưa có tiền án, tiền sự. Do vậy, các bị cáo đều được áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 của BLHS.

Các bị cáo Nguyễn Anh H, Lưu Văn T, Nguyễn Minh S, Trần Hồng Q, Vũ Hải N, Hoàng Kim T, Trần Văn K, Hà Ngọc Q, Nguyễn Văn T, Nguyễn Sơn L, Nguyễn Văn P, Ngô Đình D, sau khi phạm tội, các bị cáo bỏ trốn, nhưng sau đó đã ra đầu thú, do vậy các bị cáo đều được áp dụng khoản 2 Điều 46 của BLHS.

Các bị cáo Đinh Văn Q, Đinh Văn N1, Đinh Văn Q, Đinh Văn N2, Đinh Văn T, là người dân tộc thiểu số, nhận Tc còn hạnh chế, khi bị rủ rê, lôi kéo thì các bị cáo tham gia thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép, xét thấy vai trò của các bị cáo là T yếu trong vụ án.

Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án chỉ có Hà Ngọc L có 01 tiền án về tội *Cố ý gây thương tích Ngày 30/8/2012 bị Tòa án nhân dân H K, tỉnh Gia Lai xử phạt 05 năm 06 tháng tù giam về tội: Cố ý gây thương tích theo Bản án số 19/2012/HSST. Đến ngày 31/8/2015 được đặc xá trở về địa phương.* Do vậy cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS đối với Hà Ngọc L. Các bị cáo còn lại không có tình tiết tăng nặng.

* Xét về nhân thân, thân nhân của các bị cáo trong vụ án:

Đối với các bị cáo Hà Ngọc L, Đinh Văn Q, Đinh Văn Q, Đinh Văn N2 đều có cha ruột của các bị cáo là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân, Huy chương, nên đều được áp dụng điểm x khoản 01 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Các bị cáo có nhân thân xấu, cần lưu ý khi xem xét để quyết định hình phạt là: Trần Hồng Q có 01 tiền sự về hành vi vi phạm hành chính về quản lý và bảo vệ rừng, ngày 22/8/2016 bị Hạt Kiểm L H K xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền 8.500.000.000 đồng về hành vi vi phạm hành chính về quản lý và bảo vệ rừng; Hà Ngọc Q và Ngô Đình D, đã phạm tội đã được xóa án tích; Trần Văn K bị truy nã;

Các bị cáo đều là những người có đủ khả năng lao động và nhận Tc hành vi. Xuất phát từ ý Tc coi thường pháp luật, muốn kiếm tiền tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã có hành vi phạm tội như đã nói ở trên. Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, làm cạn kiệt nguồn tài nguyên rừng, ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái và xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế và quản lý hành chính của Nhà nước. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm các bị cáo, áp dụng hình phạt tù giam đối với 17 bị cáo mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Riêng với bị cáo Đinh Văn T phạm tội khi chưa thành niên, do vậy cũng cần áp dụng chế định người chưa thành niên phạm tội để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là phù hợp. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà cần xét cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung. Về khẩu trừ một phần thu nhập, xét điều kiện của bị cáo và gia đình có hoàn cảnh khó khăn, khi phạm tội bị cáo là vị thành niên do vậy không khấu trừ thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Đinh Văn T.

*Liên quan trong vụ án còn có 03 đối tượng không truy cứu trách nhiệm hình sự vì không đủ tuổi và không đủ định lượng phải chịu trách nhiệm hình sự, cần xử lý hành chính là phù hợp, đó là:

Đối tượng Đinh M có hành vi chỉ cho Đinh Văn Q 02 cây gỗ Hương để Q cùng đồng bọn khai thác. Tính đến ngày phạm tội M mới có 13 tuổi 06 tháng 20 ngày nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật nên không xem xét xử lý đối với M là có căn cứ.

Đối với Bùi Văn K, chiều ngày 08/9/2016 có tham gia đi vào rừng để khai thác gỗ. Tuy nhiên trong lúc ngồi chờ đến tối vào khai thác thì Bùi Văn K tự ý bỏ về nhà lại làng S, xã Sơn L không tham gia khai thác gỗ nữa và cũng không giúp sức gì trong quá trình H cùng đồng bọn khai thác gỗ nên cơ quan CSĐT Công an H K không xem xét xử lý đối với K là có căn cứ.

Đối với đối tượng Nguyễn Xuân P do Trần Hồng Q gọi điện nhờ P mua bánh cuốn đến làng S, xã Sơn L cho Q. Đến làng S Q rủ P đi vào rừng xã K để xem Vũ Hải N vận chuyển gỗ bị ngã xe có bị thương không. Trên đường đi vào thì Q và P gặp nhóm Ngô Đình D cùng đồng bọn đang vận chuyển gỗ bằng xe mô tô về làng S, xã Sơn L. Thấy T mệt nên Q nói với P điều khiển xe chở gỗ giúp T một đoạn. P thay T điều khiển xe mô tô chở gỗ chạy một đoạn khoảng 200m thì nghe Lưu Văn T nói có Kiểm L H nên P và một số đối tượng khác giấu gỗ ven đường rồi đi về nhà. Quá trình điều tra xác định trước đó P không có bàn bạc, thỏa thuận gì với Trần Hồng Q cũng như các bị can khác về việc khai thác gỗ cho H vào ngày 08/9/2016. Xét thấy hành vi của P chưa đủ yếu tố cấu thành tội nên cơ quan CSĐT Công an H K không xem xét xử lý đối với P là có căn cứ và chuyển hồ sơ đề nghị

Hạt Kiểm L H K xử phạt vi phạm hành chính đối với P về hành vi vận chuyển gỗ trái phép.

Tại phiên tòa, HĐXX chỉ xem xét với đối tượng Nguyễn Xuân P vai trò là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án và xem xét Đinh M, Bùi Văn K là người làm chứng trong vụ án.

-Về trách nhiệm bồi thường dân sự trong vụ án:

Tổng giá trị thiệt hại đối với Công ty TNHH MTV L nghiệp K theo kết luận định giá tài sản xác định giá trị của 30,166m³ gỗ Hương là **676.495.716_đồng**. Giá trị gỗ Hương thu giữ được tại hiện trường (22,609m³ gỗ tròn) là **449.368.127_đồng**. Ngày 16/12/2016 cơ quan cảnh sát điều tra Công an Huyện K đã ra Quyết định xử lý vật chứng vụ án và ngày 17/12/2016 đã trả lại cho Công ty TNHH MTV L nghiệp K 73 hộp gỗ Hương xẻ, với khối lượng 14,099m³ (*Có lý lịch gỗ kèm theo*). Đại diện Công ty TNHH MTV L nghiệp K ông Nguyễn Thành Vinh đã nhận toàn bộ số gỗ trên.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV L nghiệp K do ông Võ N, yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Công ty TNHH MTV L nghiệp K **số tiền thiệt hại còn lại là: 227.127.589 đồng**. Xét yêu cầu đòi bồi thường là có căn cứ, đúng pháp luật, do vậy cần áp dụng Điều 42 của BLHS và các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự để buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Công ty TNHH MTV L nghiệp K Pa, H K, Gia Lai giá trị tài sản bị thiệt hại mà các bị cáo gây ra, sau khi đã được trừ đi giá trị số gỗ đã thu hồi được tại hiện trường.

Tại phiên tòa hôm nay, ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Anh H tự nguyện chịu 50.000.000 đồng và bị cáo Hoàng Kim T tự nguyện chịu 20.000.000 đồng, sự tự nguyện là hợp lý và đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Số tiền còn lại là 157.127.589 đồng, sau khi được trừ số tiền bị cáo H và bị cáo T tự nguyện bồi thường, các bị cáo còn lại phải có trách nhiệm liên đới bồi thường số tiền được phân chia theo mức độ lỗi và vai trò của các bị cáo trong vụ án là hợp lý và đúng pháp luật. Cụ thể như sau:

Bị cáo Trần Văn K phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 15.100.000 đ

Các bị cáo Đinh Văn Q, Trần Hồng Q, Lưu Văn T, Nguyễn Minh S, Hà Ngọc Q, Hà Ngọc L mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 12.086.000 đồng;

Các bị cáo Vũ Hải N, Nguyễn Sơn L, Ngô Đình D, Nguyễn Văn P mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 9.068.000 đồng; Bị cáo Nguyễn Văn T, phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 9.067.589 đồng;

Các bị cáo Đinh Văn Q, Đinh Văn N1, Đinh Văn N2, Đinh Văn T, mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 6.043.000 đồng.

Bị cáo Đinh Văn T, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, không có tài sản riêng, buộc đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Đinh Văn V là cha ruột của bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cùng bị cáo T số tiền 6.043.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Cần áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 76 của Bộ luật TTHS:

Tuyên tịch thu bán thu công quỹ Nhà Nước đối với các công cụ, phương tiện mà các bị cáo sử dụng dùng để khai thác gỗ trái phép đã được thu giữ gồm: **04 xe Mô tô** các bị cáo sử dụng để lưu thông, vận chuyển gỗ trái phép **và 01 máy cưa xăng**. Cụ thể: **01 (một)** xe mô tô BKS 81H3- 4390, nhãn hiệu LONKIM, màu sơn nâu; số máy : 1C150FMGO1683259, số khung: MT200083259; **01 (một)** xe mô tô BKS 81S1- 3322, nhãn hiệu VRCSTAR, màu sơn nâu; số máy VVN ZS 15 0FMG08184, số khung: VVNPCG012VN108184; **01 (một)** xe mô tô không có BKS, nhãn hiệu ZAPPY, màu sơn nâu; số máy: VTT24JL1P 50FMG 000472, số khung: RRKDCG1JT6XH00472; **01 (một)** xe mô tô không có BKS, nhãn hiệu LIFAN, màu nâu; số máy 1P50FHG-310686652; **01** máy cưa xăng hiệu STIHL, ký hiệu MS381, màu trắng đỏ; xe và máy cưa đều đã qua sử dụng.

Tuyên tịch thu tiêu hủy vật chứng vụ án thu giữ gồm: **02 (hai)** lam cửa xăng dài 80cm; **01 (một)** lam cửa xăng dài 1,2m; **01(một)** xích cửa xăng dài 80cm, đều đã qua sử dụng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo (*18 bị cáo*): Nguyễn Anh H, tên gọi khác: **P**; Trần Văn K, tên gọi khác: **V**; Hoàng Kim T, tên gọi khác: **N**; Lưu Văn T, tên gọi khác: **T Già làng**; Đinh Văn Q, tên gọi khác: Không, Trần Hồng Q, Hà Ngọc L, tên gọi khác: **Hà Ngọc L**; Nguyễn Minh S, Hà Ngọc Q, Ngô Đình D Nguyễn Văn T, Vũ Hải N, tên gọi khác: **N te**, Nguyễn Văn P, Nguyễn Sơn L, Đinh Văn Q, tên gọi khác: Không; Đinh Văn N1, tên gọi khác: Không, Đinh Văn N2, Đinh Văn T, phạm tội: **"Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng"**.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự (BLHS); điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 và Điều 53 của BLHS đối với các bị cáo: Nguyễn Anh H, Trần Văn K, Hoàng Kim T, Lưu Văn T, Đinh Văn Q, Trần Hồng Q, Hà Ngọc L, Nguyễn Minh S, Hà Ngọc Q, Ngô Đình D Nguyễn Văn T, Vũ Hải N, Nguyễn Văn P, Nguyễn Sơn L, Đinh Văn Q, Đinh Văn N1, Đinh Văn N2;

Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 46 của BLHS đối với các bị cáo : Nguyễn Anh H, Hoàng Kim T, Trần Văn K, Lưu Văn T, Nguyễn Minh S, Trần Hồng Q, Đinh Văn Q, Vũ Hải N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Sơn L, Nguyễn Văn P, Đinh Văn N1, Đinh Văn N2, Đinh Văn Q;

Áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 của BLHS đối với các bị cáo Nguyễn Anh H, Hoàng Kim T, Trần Văn K, Lưu Văn T, Nguyễn Minh S, Trần Hồng Q, Vũ Hải N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Sơn L, Nguyễn Văn P, Ngô Đình D, Hà Ngọc Q;

Áp dụng thêm Điểm x khoản 01 Điều 51 của BLHS năm 2015, để giảm nhẹ cho các bị cáo Đinh Văn Q, Đinh Văn Q , Đinh Văn N2, Hà Ngọc L,

Áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 48 của BLHS đối với bị cáo Hà Ngọc L.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự; các điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 31; Điều 53; Điều 69; khoản 1 Điều 73 của BLHS; khoản 3 Điều 227 của BLTTHS đối với bị cáo Đinh Văn T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh H, **30 (Ba mươi)** tháng tù giam; thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (**ngày 20/ 9/ 2016**).

Xử phạt bị cáo Trần Văn K; **26 (Hai mươi sáu)** tháng tù giam; thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (**ngày 06/ 01/ 2017**).

Xử phạt bị cáo Hoàng Kim T, **24 (Hai mươi tư)** tháng tù giam; thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (**ngày 22/9/ 2016**).

Xử phạt bị cáo Đinh Văn Q, **20 (Hai mươi)** tháng tù giam; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (**ngày 27/12/2016**).

Xử phạt bị cáo Trần Hồng Q **18 (Mười T)** tháng tù giam; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (**27/12/2016**).

Xử phạt bị cáo Lưu Văn T, **18 (Mười T)** tháng tù giam; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (**ngày 26/12/ 2016**).

Xử phạt bị cáo Hà Ngọc L, **18 (Mười T)** tháng tù giam; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (**ngày 26/ 4/ 2017**).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh S, **16 (Mười sáu)** tháng tù giam; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (**ngày 26/12/ 2016**).

Xử phạt bị cáo Hà Ngọc Q, **12 (Mười hai)** tháng tù giam; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (**ngày 23/ 12/ 2016**).

Xử phạt bị cáo, Ngô Đình D **12 (Mười hai)** tháng tù giam; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (**ngày 13/7/2017**).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T, **09 (Chín)** tháng tù giam; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (**27/12/2016**).

Xử phạt bị cáo Vũ Hải N, **09 (Chín)** tháng tù giam; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (**27/12/2016**).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P, **09 (Chín)** tháng tù giam; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (**ngày 13/7/2017**).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Sơn L, **09 (Chín)** tháng tù giam; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (**27/12/2016**).

Xử phạt bị cáo Đinh Văn N1, **06 (Sáu)** tháng tù giam; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (**ngày 13/7/2017**).

Xử phạt bị cáo Đinh Văn Q **05 tháng 15 ngày** tù giam; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (**ngày 14/7/2017**).

Xử phạt bị cáo Đinh Văn N2, **05 tháng 15 ngày** tù giam; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (**ngày 13/7/2017**).

Xử phạt bị cáo Đinh Văn T **09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ**, thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Sơn L, H K, tỉnh Gia Lai nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Được trừ đi thời gian bị

cáo bị tạm giam là 15 ngày x 3 = 45 ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo T phải chấp hành là 07 tháng 15 ngày.

Giao bị cáo Đinh Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Sơn L, Huyện K, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Sơn L, K trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Không khấu trừ thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Đinh Văn T.

Tuyên trả tự do cho bị cáo Đinh Văn T tại phiên tòa, nếu bị cáo không bị tạm giam về tội khác.

-Áp dụng Điều 42 của BLHS; Các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự:

Buộc các bị cáo Nguyễn Anh H, Trần Văn K, Hoàng Kim T, Lưu Văn T, Đinh Văn Q, Trần Hồng Q, Hà Ngọc L, Nguyễn Minh S, Hà Ngọc Q, Ngô Đình D, Nguyễn Văn T, Vũ Hải N, Nguyễn Văn P, Nguyễn Sơn L, Đinh Văn Q, Đinh Văn N1, Đinh Văn N2, Đinh Văn T liên đới bồi thường cho Công ty TNHH MTV L nghiệp K, H K, Gia Lai giá trị tài sản bị thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra còn lại là: 227.127.589 đồng. Trong đó:

Bị cáo Nguyễn Anh H tự nguyện bồi thường 50.000.000 đồng;

Bị cáo Hoàng Kim T tự nguyện bồi thường 20.000.000 đồng;

Sau khi được trừ số tiền bị cáo H và bị cáo T tự nguyện bồi thường, thì số tiền còn lại là 157.127.589 đồng, các bị cáo phải còn lại phải có trách nhiệm bồi thường như sau:

Bị cáo Trần Văn K phải có trách nhiệm bồi thường 15.100.000 đồng;

Các bị cáo Đinh Văn Q, Trần Hồng Q, Lưu Văn T, Nguyễn Minh S, Hà Ngọc Q, Hà Ngọc L mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 12.086.000 đồng;

Các bị cáo Vũ Hải N, Nguyễn Sơn L, Ngô Đình D, Nguyễn Văn P mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 9.068.000 đồng; Bị cáo Nguyễn Văn T, phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 9.067.589 đồng;

Các bị cáo Đinh Văn Q, Đinh Văn N1, Đinh Văn N2, mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 6.043.000 đồng.

Bị cáo Đinh Văn T phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 6.043.000 đồng

Do bị cáo T, khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, không có tài sản riêng, buộc đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Đinh Văn V là cha ruột của bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cùng bị cáo T số tiền 6.043.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi người phải thi hành án thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 76 của Bộ luật TTHS:

Tuyên tịch thu bán thu công quỹ Nhà Nước đối với các công cụ, phương tiện mà các bị cáo sử dụng dùng để khai thác gỗ trái phép đã được thu giữ gồm: **04 xe Mô tô** các bị cáo sử dụng để lưu thông, vận chuyển gỗ trái phép và **01 máy cưa xăng**. Cụ thể:

01 (một) xe mô tô BKS 81H3- 4390, nhãn hiệu LONKIM, màu sơn nâu; số máy: 1C150FMGO1683259, số khung: MT200083259;

01 (một) xe mô tô BKS 81S1- 3322, nhãn hiệu VRCSTAR, màu sơn nâu; số máy VVN ZS 15 0FMG08184, số khung: VVNPCG012VN108184;

01 (một) xe mô tô không có BKS, nhãn hiệu ZAPPY, màu sơn nâu; số máy: VTT24JL1P 50FMG 000472, số khung: RRKDCG1JT6XH00472;

01 (một) xe mô tô không có BKS, nhãn hiệu LIFAN, màu nâu; số máy 1P50FHG-310686652;

01 máy cưa xăng hiệu STIHL, ký hiệu MS381, màu trắng đỏ; xe và máy cưa đều đã qua sử dụng.

Tuyên tịch thu tiêu hủy vật chứng vụ án thu giữ gồm: **02 (hai)** lam cửa xăng dài 80cm; **01 (một)** lam cửa xăng dài 1,2m; **01 (một)** xích cửa xăng dài 80cm, đều đã qua sử dụng.

(*Đặc điểm cụ thể vật chứng nói trên trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/ 4/ 2017 giữa Công an H K và Chi cục Thi hành án dân sự H K*).

Áp dụng khoản 02 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Án phí Hình sự sơ thẩm (HSST): Buộc các bị cáo (*18 bị cáo*): Nguyễn Anh H, Trần Văn K, Lưu Văn T, Hoàng Kim T, Nguyễn Minh S, Hà Ngọc Q, Hà Ngọc L, Trần Hồng Q, Đinh Văn Q, Đinh Văn Q, Đinh Văn N2, Đinh Văn N1, Đinh Văn T, Vũ Hải N, Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn P, Nguyễn Sơn L, Ngô Đình D, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí HSST.

- Án phí Dân sự sơ thẩm (DSST))

Bị cáo Nguyễn Anh H, phải chịu 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*);

Bị cáo Hoàng Kim T, phải chịu 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) ;

Buộc bị cáo Trần Văn K phải chịu 755.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi lăm ngàn đồng*);

Buộc các bị cáo Đinh Văn Q, Trần Hồng Q, Lưu Văn T, Nguyễn Minh S, Hà Ngọc Q, Hà Ngọc L mỗi bị cáo phải chịu 604.300 đồng (*Sáu trăm linh bốn ngàn ba trăm đồng*);

Buộc các bị cáo Vũ Hải N, Nguyễn Sơn L, Ngô Đình D, Nguyễn Văn P mỗi bị cáo phải chịu 453.400 đồng (*Bốn trăm năm mươi ba ngàn bốn trăm đồng*); Buộc bị cáo Nguyễn Văn T, phải chịu 453.379 đồng (*Bốn trăm năm mươi ba ngàn ba trăm bảy mươi chín đồng*);

Buộc các bị cáo Đinh Văn Q, Đinh Văn N1, Đinh Văn N2, mỗi bị cáo phải chịu 302.150 đồng (*Ba trăm linh hai ngàn một trăm năm mươi đồng*);

Bị cáo Đinh Văn T và đại diện hợp pháp của bị cáo là ông Đinh Văn V phải chịu 302.150 đồng (*Ba trăm linh hai ngàn một trăm năm mươi đồng*);

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo; Người đại diện hợp pháp của bị cáo Đinh Văn T; Người bào chữa cho các bị cáo Đinh Văn Q, Đinh Văn Q, Đinh Văn N2, Đinh Văn N1, Đinh Văn T; Nguyên đơn dân sự; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh.
- VKSND Huyện.
- Công an Huyện.
- Các Bị cáo.
- Người bào chữa cho các bị cáo.
- ĐD hợp pháp của bị cáo;
- Người có QNVLQ.
- Nguyên đơn dân sự;
- THADS H (*Khi án có HLPL*).
- Lưu HSVA,VTTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

ĐỖ THỊ LÀNH

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh.
- VKSND H.
- Công an H.
- Các Bị cáo +Người báo chữa cho các bị cáo.
- ĐD hợp pháp của bị cáo;
- Người có QNVLQ.+ĐD hợp pháp của NCQLNVLQ
- Nguyên đơn dân sự;
- THADS H (*Khi án có HLPL*).
- Lưu HSVA,VTTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

ĐỖ THỊ LÀNH